



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015**



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 – 23

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

#### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

#### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Hồ Minh Kha	Thành viên
Bà Trần Thị Xuân Đào	Thành viên
Ông Trần Công Thơ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Nhật	Tổng Giám đốc

#### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.





Số: 16.107/BCKT-DTL

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Ban Tổng giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) được lập vào ngày 14 tháng 08 năm 2015 từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh:**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 4.19 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty có khoản lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 và tại ngày đó, Công ty có khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán là 12.542.046.976 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong mục 4.19 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 4.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Thông tư này yêu cầu điều chỉnh một số số liệu so sánh như được trình bày tại mục 4.18 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**DẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số 1191-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.200.092.246</b>	<b>56.830.564.184</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>52.371.539</b>	<b>488.315.759</b>
1. Tiền	111	5.1	52.371.539	488.315.759
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.350.618.778</b>	<b>22.630.809.127</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.478.031.701	4.534.109.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		137.389.020	67.953.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	18.644.374.337	19.937.921.950
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.2	(1.909.176.280)	(1.909.176.280)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.797.101.929</b>	<b>33.711.439.298</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	23.093.758.464	34.008.095.833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.5	(296.656.535)	(296.656.535)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.134.704.913</b>	<b>26.327.544.913</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>31.684.322</b>	<b>31.684.322</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		31.684.322	31.684.322
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.103.020.591</b>	<b>26.295.860.591</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	6.801.520.591	6.994.360.591
- Nguyên giá	222		8.959.869.591	8.959.869.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.158.349.000)	(1.965.509.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	19.301.500.000	19.301.500.000
- Nguyên giá	228		19.301.500.000	19.301.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>81.334.797.159</b>	<b>83.158.109.097</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

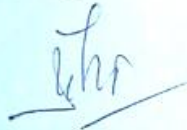
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.563.664.674</b>	<b>44.265.031.319</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.342.664.674</b>	<b>27.044.031.319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	2.923.646.720	2.906.515.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.863.715.054	1.863.715.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	822.079.116	839.570.562
4. Phải trả người lao động	314		23.965.149	18.922.044
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	2.232.974.189	2.009.404.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	6.164.237.470	6.147.973.715
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	13.312.046.976	13.257.929.925
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.221.000.000</b>	<b>17.221.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	17.221.000.000	17.221.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.771.132.485</b>	<b>38.893.077.778</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>36.771.132.485</b>	<b>38.893.077.778</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13.1	80.230.710.000	80.230.710.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.608.854.848	1.608.854.848
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.13.1	(45.068.432.363)	(42.946.487.070)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(42.946.487.070)	592.195.146
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.121.945.293)	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>81.334.797.159</b>	<b>83.158.109.097</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



**TRẦN CÔNG THƠ**  
Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐUÝẾT



**NGUYỄN VĂN NHỰT**  
Tổng giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

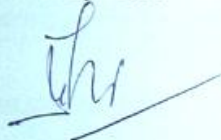
Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10.914.414.796	15.534.588.933
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.914.414.796	15.534.588.933
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.914.337.369	13.380.405.318
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.427	2.154.183.615
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.849.225	8.929.595
6. Chi phí tài chính	22	6.4	1.534.789.976	1.859.812.604
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.360.892.433	1.689.962.819
7. Chi phí bán hàng	24	6.5	119.940.000	921.015.004
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	444.053.617	657.768.544
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.091.856.941)	(1.275.482.942)
10. Thu nhập khác	31		-	96.000.000
11. Chi phí khác	32		30.088.352	851.751.958
12. Lợi nhuận khác	40		(30.088.352)	(755.751.958)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.121.945.293)	(2.031.234.900)
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(446.871.678)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.121.945.293)	(1.584.363.222)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(264,48)	(197,48)

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU


**TRẦN CÔNG THỌ**  
 Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐUỆT


**NGUYỄN VĂN NHỰT**  
 Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

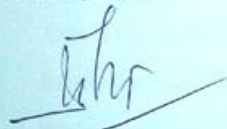
Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	33.782.492.113
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(174.477.933)	(42.791.967.334)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(212.907.706)	(236.002.153)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.137.322.365)	(1.001.555.254)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.710.280.013	33.946.791.807
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(479.164.221)	(16.563.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(293.592.212)</b>	<b>7.136.559.179</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	96.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.849.225	8.929.595
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.849.225</b>	<b>104.929.595</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(150.000.000)	(7.986.035.245)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(150.000.000)</b>	<b>(7.986.035.245)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(436.742.987)</b>	<b>(744.546.471)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		488.315.759	977.924.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		798.767	(17.595.330)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>52.371.539</b>	<b>215.782.293</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU


**TRẦN CÔNG THƠ**

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN VĂN NHỰT**

Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 – DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9 (31/12/2014: 10).

##### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, mua bán hàng hóa nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;

Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

##### 1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

##### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

##### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Trong 06 tháng đầu năm 2015 Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.18.

### **4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

### **4.5. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **4.6. Hàng tồn kho**

### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.7. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm

### 4.8. Tài sản cố định vô hình

#### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày trên bảng cân đối kế toán là quyền sử dụng đất tại số 339 - 341 Đường số 5, phường Bình Trị Đông và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB293770, AB293743, AB293762. Các quyền sử dụng đất này vô thời hạn nên không trích khấu hao.

### 4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### **4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### **4.11. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **4.12. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **4.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **4.14. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### **4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí bán hàng trong kỳ là khoản hoàn nhập số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa chưa sử dụng hết của kỳ trước.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp, dự phòng phải trả cho hợp đồng có rủi ro lớn, và dự phòng phải trả khác chưa sử dụng hết của kỳ trước.

### **4.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **4.17. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc 06 tháng đầu năm.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
▪ Hàng thủy sản nguyên liệu bán trong nước	5%
▪ Hàng thủy sản bán trong nước	10%

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**4.18. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Các khoản phải thu khác	19.937.921.950	19.934.621.950
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.300.000
Tài sản dài hạn khác		31.684.322
Phải thu dài hạn khác	31.684.322	-
Vay và nợ ngắn hạn		30.478.929.925
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.257.929.925	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.221.000.000	
Quỹ dự phòng tài chính		1.608.854.848
Quỹ đầu tư phát triển	1.608.854.848	

Việc báo cáo lại các thông tin sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4.19. Khả năng hoạt động liên tục**

Công ty có khoản lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 và như tại mục 5.12, Công ty có khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán là 12.542.046.976 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	326	417.437.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.371.213	70.878.371
<b>Cộng</b>	<u>52.371.539</u>	<u>488.315.759</u>

**5.2. Phải thu của khách hàng**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 9.	13.341.898.324	2.427.483.528
Các khách hàng khác	2.136.133.378	2.106.626.429
<b>Cộng</b>	<u>15.478.031.702</u>	<u>4.534.109.957</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.3. Phải thu khác**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
	Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	3.300.000	-	3.300.000	-	
Cho mượn vốn kinh doanh – xem thêm mục 9.	18.306.673.928	-	19.606.971.541	-	
Phải thu khác	334.400.409	(322.650.409)	327.650.409	(322.650.409)	
<b>Cộng</b>	<b>18.644.374.337</b>	<b>(322.650.409)</b>	<b>19.937.921.950</b>	<b>(322.650.409)</b>	

**5.4. Nợ xấu**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.470.533.787	561.357.507	2.434.276.838	525.100.558
<b>Cộng</b>	<b>2.470.533.787</b>	<b>561.357.507</b>	<b>2.434.276.838</b>	<b>525.100.558</b>	

Ban Tổng Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi nợ phải thu vì các khách hàng nước ngoài đã cam kết trả nợ.

**5.5. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Nguyên liệu, vật liệu	566.431.250	(296.656.535)	11.480.768.619	(296.656.535)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.527.327.214	-	22.527.327.214	-	
<b>Cộng</b>	<b>23.093.758.464</b>	<b>(296.656.535)</b>	<b>34.008.095.833</b>	<b>(296.656.535)</b>	

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải truyền dẫn	VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.561.000.000	2.398.869.591	8.959.869.591
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.561.000.000</b>	<b>2.398.869.591</b>	<b>8.959.869.591</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	437.400.000	1.528.109.000	1.965.509.000
Khấu hao trong kỳ	72.900.000	119.940.000	192.840.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>510.300.000</b>	<b>1.648.049.000</b>	<b>2.158.349.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.123.600.000	870.760.591	6.994.360.591
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.050.700.000</b>	<b>750.820.591</b>	<b>6.801.520.591</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng cho mục đích kinh doanh là 6.050.700.000 đồng.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là các quyền sử dụng đất, trị giá 19.301.500.000 đồng. Thời gian sử dụng là vô thời hạn nên không trích khấu hao.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 19.301.500.000 đồng.

**5.8. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:					
Công Ty TNHH CB TMDV Yến Ngân	776.191.662	776.191.662	776.191.662	776.191.662	
DNTN TM Hồng Phú	525.820.000	525.820.000	525.820.000	525.820.000	
Phải trả cho các đối tượng khác	1.621.635.058	1.621.635.058	1.604.504.236	1.604.504.236	
<b>Cộng</b>	<b>2.923.646.720</b>	<b>2.923.646.720</b>	<b>2.906.515.898</b>	<b>2.906.515.898</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	770.741.058	-	18.069.526	752.671.532
Thuế thu nhập cá nhân	68.829.504	578 080	-	69.407.584
<b>Cộng</b>	<b>839.570.562</b>	<b>578 080</b>	<b>18.069.526</b>	<b>822.079.116</b>

**5.10. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Lãi vay	2.212.974.189	1.989.404.121
Các khoản khác	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.232.974.189</b>	<b>2.009.404.121</b>

**5.11. Phải trả khác**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
Bảo hiểm xã hội	28.788.477	19.635.479
Bảo hiểm y tế	3.199.840	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.845.526	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.072.490.826	6.070.425.437
<b>Cộng</b>	<b>6.164.237.470</b>	<b>6.147.973.715</b>

( Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.12. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Vay ngắn hạn	13.312.046.976	13.312.046.976	204.117.051	150.000.000	13.257.929.925	
Vay dài hạn	17.221.000.000	17.221.000.000	-	-	17.221.000.000	17.221.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>30.533.046.976</b>	<b>30.533.046.976</b>	<b>204.117.051</b>	<b>150.000.000</b>	<b>30.478.929.925</b>	<b>30.478.929.925</b>	

Số vay quá hạn chưa thanh toán được chi tiết như sau:

Vay	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	
	12.542.046.976	743.394.189	11.357.929.925	460.624.121	
<b>Cộng</b>	<b>12.542.046.976</b>	<b>743.394.189</b>	<b>11.357.929.925</b>	<b>460.624.121</b>	

Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty gặp khó khăn nên Công ty không có đủ tiền để thanh toán nợ đúng hạn.

**5.13. Vốn chủ sở hữu**

**5.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Cộng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	80.230.710.000	1.608.854.848	592.195.146	82.431.759.994
Lãi (lỗ) cùng kỳ trước	-	-	(1.584.363.222)	(1.584.363.222)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(992.168.076)</u>	<u>80.847.396.772</u>
Lãi (lỗ) sáu tháng cuối năm trước	-	-	(41.954.318.994)	(41.954.318.994)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(42.946.487.070)</u>	<u>38.893.077.778</u>
Lãi (lỗ) trong kỳ này	-	-	(2.121.945.293)	(2.121.945.293)
Số tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(45.068.432.363)</u>	<u>36.771.132.485</u>

**5.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	522.990.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đông khác	<u>79.707.720.000</u>	<u>29.512.220.000</u>
<b>Cộng</b>	<u>80.230.710.000</u>	<u>80.230.710.000</u>

**5.13.3. Cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.023.071	8.023.071

**5.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại: USD	1.777,30	1.783,41

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	<u>10.914.414.796</u>	<u>15.534.588.933</u>
<b>Cộng</b>	<u>10.914.414.796</u>	<u>15.534.588.933</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.914.337.369	13.380.405.318
<b>Cộng</b>	<b>10.914.337.369</b>	<b>13.380.405.318</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi.

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền vay	1.360.892.433	1.689.962.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	69.726.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	173.897.543	100.123.658
<b>Cộng</b>	<b>1.534.789.976</b>	<b>1.859.812.604</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí vận chuyển hàng	-	535.999.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.940.000	257.237.000
Phí hải quan	-	106.228.053
Chi phí bán hàng khác	-	21.550.404
<b>Cộng</b>	<b>119.940.000</b>	<b>921.015.004</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	283.049.908	230.044.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.900.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	88.103.709	427.724.544
<b>Cộng</b>	<b>444.053.617</b>	<b>657.768.544</b>

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.914.337.369	13.380.405.318
Chi phí nhân công	283.049.908	230.044.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.840.000	257.237.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.534.789.976	1.856.927.922
Chi phí khác bằng tiền	118.192.061	1.946.139.188
<b>Cộng</b>	<b>13.043.209.314</b>	<b>17.670.753.428</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động thương mại hàng hoá thuỷ - hải sản và thực phẩm chế biến.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là bán hàng trong nước, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

### 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các cá nhân và đơn vị dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

#### Bên liên quan

- Ông Nguyễn Văn Nhật
- Ông Nguyễn Văn Triển
- Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật

#### Mối quan hệ

Tổng Giám đốc Công ty  
Con ruột Tổng Giám đốc Công ty  
Công ty được kiểm soát bởi con của Tổng Giám đốc

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật		
Phải thu tiền bán hàng – Xem thêm mục 5.2	13.341.898.324	2.427.483.528
Phải thu tiền cho mượn – Xem thêm mục 5.3	18.306.673.928	19.606.971.541
Cộng	<u>31.648.572.252</u>	<u>22.034.455.069</u>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Bán hàng:		
Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật	10.914.414.796	10.914.414.796

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	49.800.000	55.800.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	54.024.846	87.434.000
Cộng	<u>103.824.846</u>	<u>143.234.000</u>

### 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2015 đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

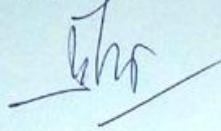
Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo soát xét cho 06 tháng đầu năm từ 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP



**TRẦN CÔNG THƠ**  
Kế toán trưởng



NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN VĂN NHỰT**  
Tổng Giám đốc